

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 68/2021/HS-ST
Ngày 30 tháng 11 năm 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Bùi Văn Tám

- Ông Hoàng Văn Khảm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ý Tường, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Khổng Thị Phú Vân, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 63/2021/TLST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2021/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2021, đối với bị cáo:

Trần Thế G, sinh ngày 21/6/1984, nơi sinh: Kon Tum; nơi cư trú: Tổ 7, Cụm 1, phường K Đ, quận T X, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Thế Y, sinh năm 1955 và bà Trịnh Thị L, sinh năm 1955; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không;

Tiền án: 01. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2020/HS-ST ngày 01/7/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử phạt 13 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 852/HSST ngày 28/5/2004, Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/8/2006.

Tại Bản án số 290/2009/HSST ngày 18/8/2009, Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xử phạt 05 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/4/2014.

Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính ngày 25/5/2016 của Công an phường Trung Liệt, thành phố Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, mức phạt 1.500.000 đồng. Bị cáo đã nộp phạt xong ngày

30/6/2016.

Bị cáo hiện đang chấp hành án theo Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2020/HS-ST ngày 01/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc đã trích xuất G về trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc để phục vụ công tác điều tra (có mặt).

- Bị hại : Công ty TNHH MTV Đ A V P.

Địa chỉ: Thôn L X, xã T H, huyện Y L, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đỗ Thúy M – Chức vụ: Giám đốc công ty.

Địa chỉ: Thôn L H, xã Y P, huyện Y L, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ngân hàng TMCP V N T V.

Địa chỉ: 89 L H, phường L H, quận Đ Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP V N T V (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông D: Ông Phạm T A – Phó Giám đốc Trung tâm Xử lý nợ Pháp lý - Ngân hàng TMCP V N T V, theo văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/7/2020 (vắng mặt).

Người được ủy quyền lại: Ông Lưu Vũ M 1 - Cán bộ xử lý nợ Ngân hàng TMCP V N T V.

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà V H, số 78 D V H, quận C G, thành phố Hà Nội, theo văn bản ủy quyền số 1706/2021/UQ-VPB ngày 25/11/2021 (có mặt).

+ Ông Đặng Thành S (tên gọi khác: Lê), sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn L H, xã Y P, huyện Y L, tỉnh Vĩnh Phúc

+ Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ 15, phường T T, thành phố T N, tỉnh Thái Nguyên.

+ Anh Nguyễn Đức N, sinh năm 1999.

Nơi cư trú: Xóm H, xã M L, huyện M L, thành phố Hà Nội (vắng mặt).

+ Anh Lê Văn S1, sinh năm 2002 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn Y N, xã Y Đ, huyện Y L, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Anh Phan Sỹ M2, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ 8, phường T N, thành phố P Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn H V, xã H S, huyện B X, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Người làm chứng:

+ Anh Đặng Duy K (tên gọi khác: K Béo), sinh năm 1992 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn Y N, xã V D, huyện V T, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Anh Nguyễn Minh Q, sinh năm 1993 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn P L, xã T P, huyện V T, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Chị Nguyễn Thùy L1, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Số 39 H N, xã X K, thị xã S T, thành phố Hà Nội.

+ Anh Nguyễn Duy Công S2, sinh năm 2002 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn M, xã Y Đ, huyện Y L, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Anh Nguyễn Văn Q1, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu 10, phường Đ Đ, thành phố V Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Ông Lưu Văn H, sinh năm 1956 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn Y Đ, xã C M, thành phố P Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Chị Vũ Thị T, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ 7, phường X H, thành phố P Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Qua các mối quan hệ xã hội Trần Thế G quen biết, chơi với anh Đặng Duy K. Tháng 8 năm 2017, do cần tiền làm ăn nên G nhờ anh K giới thiệu chỗ cầm cố xe ô tô biển kiểm soát 30E- 871.68 (xe G đang thế chấp tại Ngân hàng Thương mại cổ phần V N T V, viết tắt là VPBank). Anh K đồng ý và gọi điện thoại cho ông Đặng Thành Sinh là Phó Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (viết tắt TNHH MTV) Đ A V P ở thôn Lâm Xuyên, xã Tam Hồng, huyện Y L, tỉnh V P hỏi cầm cố xe ô tô, ông Sinh đồng ý. Anh K đưa G đến gặp ông Sinh. Tại đây, G hỏi ông Sinh cầm cố xe ô tô biển kiểm soát 30E- 871.68 để vay số tiền 150.000.000 đồng, ông Sinh đồng ý và yêu cầu G viết giấy cầm cố xe dưới danh nghĩa là “giấy bán xe”, G đồng ý. Lúc này, ông Sinh bảo anh Nguyễn Minh Q là nhân viên của công ty lấy một tờ giấy A4 có dòng chữ “GIẤY BÁN XE” đưa cho G viết, viết xong, G đưa cho ông Sinh, còn anh Q mở két lấy 150.000.000 đồng (gồm 03 tập tiền mỗi tập có 100 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng) đưa cho G. G cầm tiền và giao xe ô tô biển kiểm soát 30E- 871.68, chìa khóa, giấy tờ xe (bản sao) cho ông Sinh quản lý rồi bắt xe taxi đi về. Do G trả nợ không đúng hạn dẫn đến nợ xấu, VPBank ra quyết định thu giữ tài sản bảo đảm là xe ô tô biển kiểm soát 30E - 871.68 để xử lý thu hồi nợ. Để có xe giao cho VPBank, G nảy sinh ý định trộm cắp xe đã cầm cố cho ông Sinh. Khoảng 02 giờ 40 phút ngày 01/4/2018, G đi taxi đến đoạn đường trước cổng Công ty TNHH MTV Đ A V P, phát hiện xe ô tô biển kiểm soát 30E - 871.68 để tại ven đường, gần Công ty TNHH MTV Đ A V P nhưng không có người trông giữ. Lợi dụng sơ hở, G trả tiền xe taxi rồi đi lại chỗ để xe ô tô, dùng chìa khóa phụ mang theo người mở cửa xe và nổ máy điều khiển xe đi về thành phố Hà Nội. Sau khi trộm cắp được xe G ủy quyền cho chị Nguyễn Thùy L1 (là bạn của G) bàn giao xe ô tô biển kiểm soát 30E - 871.68 cho VPBank để thanh toán hợp đồng vay vốn giữa G với VPBank. Khi giao xe cho chị L1, G không nói việc G đã cầm cố xe cho Công ty TNHH MTV Đ A V P, xe là G trộm cắp nên chị L1 không biết.

Ngày 01/4/2018, bà Đỗ Thúy M - Giám đốc Công ty TNHH MTV Đ A V P có đơn trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Lạc, tỉnh V P và giao

nộp 01 USB, 01 chìa khóa xe ô tô, bản sao giấy tờ xe đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra tạm giữ của anh Nguyễn Đức H 01 điện thoại di động nhãn hiệu nokia 230; anh Lê Văn S 1 01 điện thoại di động nhãn hiệu nokia 1280; anh Nguyễn Văn T 01 điện thoại di động Iphone 5; anh Phan Sỹ M 2 01 điện thoại di động Iphone 6 và anh Nguyễn Đức N 01 điện thoại di động nokia.

Tại Kết luận định giá tài sản số 29/2018/KL-ĐG ngày 26/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET AVEO, số máy 4D3171420523, số khung 69YDHH946399, màu đen, biển kiểm soát 30E - 871.68 trị giá 390.000.000 đồng.

Tại kết luận giám định số 1460 ngày 13/10/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Chiếc xe ô tô gửi giám định: Số khung không bị tẩy xóa, sửa chữa, số nguyên thủy là RLLSF69YDHH946399; Số máy đã bị ô xi hóa (han rỉ), qua giám định xác định số máy không bị tẩy xóa, sửa chữa, số nguyên thủy là F14D3 *171420523*.

Tại kết luận giám định số 558/KLGD, ngày 04/5/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Khôi phục và trích xuất được 30 tệp tin video với tổng dung lượng 213MB, thời gian từ 2 giờ 00 phút đến 3 giờ 30 phút ngày 01/4/2018 từ thẻ nhớ gửi giám định; Chụp được 10 ảnh người và phương tiện là xe ô tô màu đen từ các tệp tin video trích xuất được; Ảnh chụp, mô tả diễn biến của người và xe ô tô màu đen được in vào bản ảnh giám định, các tệp tin video trích xuất được in vào 01 đĩa DVD kèm theo kết luận giám định.

Về trách nhiệm dân sự: Công ty TNHH MTV Đ A V P yêu cầu Trần Thế G phải trả lại số tiền 150.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất.

Tại Cáo trạng số 63/CT-VKSYL ngày 02/11/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo Trần Thế G về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Thế G phạm tội “Trộm cắp tài sản”; áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt Trần Thế G từ 09 năm đến 09 năm 06 tháng tù, tổng hợp với phần hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2020/HS-ST ngày 01/7/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử phạt 13 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, buộc G phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/12/2019; Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015. Trả lại cho bà Đỗ Thúy M là người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH Đ A V P 01 thẻ nhớ (có đặc điểm như đã tạm giữ). Xác nhận cơ quan điều tra đã trả lại anh Nguyễn Xuân H 01 điện thoại di động nhãn hiệu nokia

230, anh Lê Văn S1 01 điện thoại di động nhãn hiệu nokia 1280, anh Nguyễn Văn T 01 điện thoại di động Iphone 5, anh Phan Sỹ M2 01 điện thoại di động Iphone 6 và anh Nguyễn Đức N 01 điện thoại di động nokia là tài sản hợp pháp của những người này không liên quan đến vụ án. Sau khi nhận lại tài sản không ai có yêu cầu gì khác; buộc Trần Thế G phải bồi thường cho Công ty TNHH MTV Đ A V P 150.000.000đồng; lưu giữ trong hồ sơ 01 đĩa DVD.

Bị cáo Trần Thế G không bào chữa, không tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự tố tụng của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa và trong quá trình điều tra, bị cáo Trần Thế G đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố. Xét lời nhận tội của bị cáo Trần Thế G tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với vật chứng thu giữ được và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy có đủ chứng cứ khách quan để kết luận: Khoảng tháng 8 năm 2017, Trần Thế G đến Công ty TNHH MTV Đ A V P ở thôn Lâm Xuyên, xã Tam Hồng, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc cầm cố xe ô tô biển kiểm soát 30E- 871.68 (xe G đang thế chấp tại VPBank) để vay số tiền 150.000.000đồng. Ông Sinh đồng ý và yêu cầu G viết giấy bán xe, viết xong ông Sinh đưa cho G số tiền 150.000.000đồng và G đưa giấy tờ xe và giao xe cho ông Sinh quản lý rồi đi về. Do G không trả tiền đúng thời hạn theo hợp đồng tín dụng, dẫn đến nợ xấu, khoản vay này G đã thế chấp xe ô tô tại VPBank. Ngày 16/3/2018, VPBank có quyết định thu giữ tài sản bảo đảm là xe ô tô biển kiểm soát 30E- 871.68 để xử lý thu hồi nợ. Để có xe giao cho VPBank, khoảng 02 giờ 40 phút ngày 01/4/2018, lợi dụng sơ hở, không có người trông giữ xe, G đã trộm cắp xe ô tô biển kiểm soát 30E- 871.68 về trả cho VPBank. Trị giá tài sản trộm cắp theo kết luận định giá tài sản là 390.000.000đồng. Hành vi của bị cáo Trần Thế G đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Điều 173 quy định:

“3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000đồng đến dưới 500.000.000đồng;”

Xét tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội, gây bất bình trong nhân dân. Hành vi của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì vậy cần phải xử phạt nghiêm.

[3]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xét nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo Trần Thế G là người có nhân thân xấu. Ngày 28/5/2004, bị Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Ngày 18/8/2009, bị Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xử phạt 05 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Ngày 25/5/2016 bị Công an phường Trung Liệt, thành phố Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, mức phạt 1.500.000đồng.

Về tiền án: Bị cáo có 01 tiền án. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2020/HSST ngày 01/7/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử phạt 13 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Bị cáo hiện đang chấp hành án theo Bản án số 59/2020/HSST ngày 01/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Tuy nhiên, bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân, muốn có tài sản để sử dụng vào mục đích cá nhân bằng cách trộm cắp tài sản của người khác.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hội đồng xét xử xét thấy cần phải lên một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo, có như vậy mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo Trần Thế G không có tài sản, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để phạt tiền đối với bị cáo.

[5]. Trong vụ án này, chị Nguyễn Thùy L1 là người được G ủy quyền, thay G giao xe ô tô biển kiểm soát 30E- 871.68 trả cho VPBank, nhưng G không nói cho chị L1 biết chiếc xe trên G đã cầm cố cho ông Đặng Thành Sinh, sau đó G trộm cắp mà có nên chị L1 không biết. Do vậy, cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với chị L1 là phù hợp.

[6]. Đối với người lái xe taxi chở Trần Thế G vào rạng sáng ngày 01/4/2018, do G không biết tên, tuổi, địa chỉ, không nhớ hãng xe taxi nào nên cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh, không đề cập xử lý là phù hợp.

[7]. Đối với số tiền 150.000.000đồng, quá trình điều tra xác định: Trần Thế G là người mang xe ô tô biển kiểm soát 30E- 871.68 đến tại Công ty TNHH MTV Đ A V P cầm cố xe để vay số tiền 150.000.000đồng của Công ty TNHH MTV Đ A V P. Ông Đặng Thành Sinh -Phó Giám đốc Công ty đã trực tiếp làm việc với G. Do cần xe ô tô trả cho VPBank nên G đã trộm cắp chiếc xe trên. Việc G khai, sau khi viết giấy xong, G giao xe và giấy tờ cho ông Sinh quản lý rồi đi về, không nhận số tiền như ông Sinh, anh Q đã khai là không có căn cứ. G cho rằng số tiền G đã viết trong giấy bán xe là tiền G vay của anh K và ông Sinh gồm 100.000.000đồng tiền gốc vay trước đó và tiền lãi tính là 50.000.000đồng. Tuy nhiên, G không đưa ra bất cứ tài liệu nào để chứng minh việc G viết giấy bán xe nhưng không nhận số tiền trên. Quá trình điều tra xác định ông Sinh và anh K không làm ăn chung với nhau. Số tiền 150.000.000đồng là tiền của Công ty TNHH MTV Đ A V P, không liên quan gì đến anh K. Khoản tiền 100.000.000đồng anh K cho G vay trước đó, G đã trả đủ cho anh K, không liên quan đến khoản tiền 150.000.000đồng G vay của ông Sinh. Căn cứ vào giấy bán xe do G tự viết và lời khai của ông Sinh, anh Q, anh K có đủ căn cứ để xác định G vay số tiền 150.000.000đồng của Công ty TNHH MTV Đ A V P. Do vậy, G phải có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH MTV Đ A V P số tiền này là phù hợp.

[8]. Đối với hành vi Trần Thế G ký hợp đồng tín dụng, thế chấp xe ô tô biển kiểm soát 30E- 871.68 cho VPBank vay số tiền 343.000.000đồng, sau đó lại mang đi cầm cố để vay số tiền 150.000.000đồng của Công ty TNHH MTV Đ A V P. Quá trình điều tra làm rõ, G không có mục đích lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản hay lừa đảo chiếm đoạt tài sản của VPBank cũng như của Công ty TNHH MTV Đ A V P nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý G về các hành vi trên là phù hợp.

[9]. Về vật chứng:

Đối với 05 chiếc điện thoại di động các loại cơ quan điều tra đã thu giữ của anh Nguyễn Đức H, anh Lê Văn S1, anh Nguyễn Văn T, anh Phan Sỹ M2 và anh Nguyễn Đức N là tài sản hợp pháp của các anh không liên quan đến vụ án. Ngày 09/5/2018 và ngày 10/5/2018, cơ quan điều tra đã trả lại cho anh H 01 điện thoại di động nhãn hiệu nokia 230, anh S1 01 điện thoại di động nhãn hiệu nokia 1280, anh T 01 điện thoại di động Iphone 5, anh M2 01 điện thoại di động Iphone 6 và anh N 01 điện thoại di động nokia. Sau khi nhận lại tài sản không ai có yêu cầu đề nghị gì khác.

Đối với 01 xe ô tô biển kiểm soát 30E - 871.68, nhãn hiệu CHEVROLET AVEO, màu đen là xe G mua và thế chấp tại VPBank vay số tiền 343.000.000đồng, theo đó xe ô tô là tài sản bảo đảm của VPBank đồng quản lý. Do G không thực hiện theo cam kết của hợp đồng tín dụng, VPBank đã ra quyết định thu hồi xe để xử lý nợ là đúng. Hiện chiếc xe trên VPBank đang quản lý, cơ quan điều tra không

thu giữ được nên không đề cập xử lý.

Đối với chiếc chìa khóa xe ô tô bà M giao nộp cần trả cho VPBank là phù hợp.

Đối với phần dư nợ theo hợp đồng tín dụng giữa G với VPBank, VPBank không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên không xem xét giải quyết.

Đối với 01 USB cơ quan điều tra thu giữ của bà Đỗ Thúy M là tài sản của bà M nên trả lại cho bà M là phù hợp.

Đối với 01 đĩa DVD kèm theo kết luận giám định đã ghi lại hình ảnh G trộm cắp xe của Công ty TNHH MTV Đ A V P, liên quan đến vụ án cần lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[10]. Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền 150.000.000 đồng G đã nhận từ việc cầm cố xe ô tô là tiền của Công ty TNHH MTV Đ A V P, do bà Đỗ Thúy M vợ ông Sinh làm giám đốc và ông Sinh làm phó giám đốc. Ông Sinh là người trực tiếp đứng ra đưa tiền cho G vay, nay G chưa trả được số tiền trên, Công ty TNHH MTV Đ A V P yêu cầu G phải trả lại số tiền trên và không yêu cầu tính lãi nên cần phải buộc G trả lại cho Công ty TNHH MTV Đ A V P số tiền 150.000.000 đồng.

[11]. Về án phí: Bị cáo Trần Thế G phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc đối với bị cáo là có căn cứ đúng pháp luật sẽ được Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Về tội danh:* Tuyên bố bị cáo Trần Thế G phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. *Về hình phạt:*

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt Trần Thế G 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 13 (mười ba) năm 06 (sáu) tháng tù của Bản án số 59/2020/HS-ST ngày 01/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên, buộc Trần Thế G phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 24 (hai mươi tư) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/12/2019.

3. *Về trách nhiệm dân sự:* Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; các điều 468, 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự 2015.

Buộc bị cáo Trần Thế G phải bồi thường cho Công ty TNHH MTV Đ A Vĩnh Phúc 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

4. *Về vật chứng:*

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Trả lại cho bà Đỗ Thúy M 01 USB.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP V N T V 01 chìa khóa xe ô tô.

Lưu trong hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD kèm theo kết luận giám định đã ghi lại hình ảnh G trộm cắp xe của ông Đặng Thành Sinh.

(đặc điểm vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 29/11/2021).

5. *Về án phí*: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí tòa án, bị cáo Trần Thế G phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 7.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. *Về quyền kháng cáo*:

Căn cứ Điều 331 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo Bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

7. *Về nghĩa vụ thi hành án*: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty TNHH MTV Đ A Vĩnh Phúc có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Trần Thế G không thanh toán số tiền trên thì Trần Thế G phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc
- VKSND huyện Yên Lạc;
- Công an huyện Yên Lạc;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Lạc;
- Lưu HS, bộ phận theo dõi THAHS, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Thảo

